



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên chuyên trách, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Chủ tịch

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Đạo	Chủ tịch

Kiểm soát viên chuyên trách

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Lá	Kiểm soát viên chuyên trách

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Văn Hề	Giám đốc
Ông Võ Hồng Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Soa	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Ngọc Đạo, Chủ tịch.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Đạo

Chủ tịch Công ty

Bình Định, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Số: 71/2023/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2023 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch công ty và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4.4 và 4.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2022 Công ty có số dư phải thu với Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sản xuất khẩu Bình Định với số tiền 2.076.142.979 VND đã quá hạn thanh toán trên 3 năm (tại ngày 31/12/2021 là 2.076.142.979 VND), dự phòng nợ phải thu khó đòi trích lập cho công nợ Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sản xuất khẩu Bình Định tại 31/12/2022 là 700.000.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 0 VND). Dựa vào các tài liệu mà chúng tôi thu thập được, số dư phòng trích lập thiếu là 1.376.142.979 VND (Trong đó năm 2022 trích lập thừa 700.000.000 VND, năm 2021 trở về trước trích lập thiếu: 2.076.142.979 VND). Nếu dự phòng được trích lập phù hợp thì trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại 31/12/2022 sẽ tăng lên và giảm đi số tiền 1.376.142.979 VND (tại 31/12/2021 là 2.076.142.979 VND). Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" cùng giảm đi số tiền 700.000.000 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

2. Công ty có khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kôn, cùng với những thông tin khác trình bày tại thuyết minh số 4.9 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy những dấu hiệu về tổn thất của khoản đầu tư này. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kôn, khoản đầu tư này đang được ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá gốc, tại ngày 31/12/2022 là 6.227.551.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 6.227.551.000 VND). Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để có thể thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về số liệu nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Dương Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1309-2023-240-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1486-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Bình Định, ngày 14 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.958.727.106	48.558.167.032
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.836.032.179	535.304.861
1. Tiền	111		3.836.032.179	535.304.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.497.390.548	3.262.514.624
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	4.835.583.026	203.559.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.132.519.979	481.033.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.229.287.543	2.577.922.624
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(700.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	42.625.304.379	44.737.347.547
1. Hàng tồn kho	141		42.625.304.379	44.737.347.547
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	23.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	-	23.000.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.870.918.000	14.009.240.622
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89.923.000	89.923.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	89.923.000	89.923.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.004.247.555	7.227.982.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	7.004.247.555	7.227.982.177
Nguyên giá	222		13.276.209.753	13.111.125.208
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.271.962.198)	(5.883.143.031)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		292.494.000	257.698.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	292.494.000	257.698.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	6.227.551.000	6.227.551.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.227.551.000	6.227.551.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		256.702.445	206.086.445
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	256.702.445	206.086.445
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		67.829.645.106	62.567.407.654

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín; Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Thị Trấn Vĩnh Thạnh,
Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.732.256.539	11.471.724.921
I. Nợ ngắn hạn	310		12.299.256.539	6.972.359.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	4.183.900.000	131.425.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	317.609.000	447.586.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	355.710.681	165.563.016
4. Phải trả người lao động	314		1.280.529.000	1.316.242.974
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	2.400.369.035	1.951.511.328
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	2.065.365.000	932.452.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.695.773.823	2.027.579.603
II. Nợ dài hạn	330		3.433.000.000	4.499.365.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	3.433.000.000	4.499.365.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.097.388.567	51.095.682.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	47.419.224.783	47.218.669.245
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.419.224.783	47.218.669.245
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		4.678.163.784	3.877.013.488
1. Nguồn kinh phí	431		673.211.764	(306.346.772)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.004.952.020	4.183.360.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		67.829.645.106	62.567.407.654



Nguyễn Ngọc Đạo
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Trần Thị Kim Soa
Kế toán trưởng

Trương Minh Vương
Người lập

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	21.932.638.541	21.316.994.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.932.638.541	21.316.994.546
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	16.073.118.153	16.567.735.984
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.859.520.388	4.749.258.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.601.517	2.117.877
7. Chi phí tài chính	22	5.4	49.726.025	31.028.903
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		49.726.025	31.028.903
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3.929.840.585	3.065.246.834
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.882.555.295	1.655.100.702
11. Thu nhập khác	31	5.6	40.740.743	79.545.455
12. Chi phí khác	32	5.7	50.293.000	154.088.769
13. Lợi nhuận khác	40		(9.552.257)	(74.543.314)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.873.003.038	1.580.557.388
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	498.071.500	177.229.537
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.374.931.538	1.403.327.851



Nguyễn Ngọc Đạo
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Trần Thị Kim Soa
Kế toán trưởng

Trương Minh Vương
Người lập

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.170.637.515	23.094.882.728
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(10.613.082.250)	(16.855.023.837)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.084.398.565)	(4.033.135.543)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(49.726.025)	(31.028.903)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(302.054.006)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.026.907.070	7.516.456.271
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.612.682.938)	(7.172.817.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.535.600.801	2.519.333.105
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(304.023.000)	(226.027.273)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.601.517	2.117.877
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(301.421.483)	(223.909.396)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	4.990.000.000	2.680.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(4.923.452.000)	(5.228.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		66.548.000	(2.548.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		3.300.727.318	(252.576.291)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		535.304.861	787.881.152
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		3.836.032.179	535.304.861



Nguyễn Ngọc Đạo
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Trần Thị Kim Soa
Kế toán trưởng

Trương Minh Vương
Người lập

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259010 ngày 31 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 47.850.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 46 (31/12/2021: 47).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, làm giàu, khoanh nuôi rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào, ủi, san lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế, lập dự toán, giám sát thi công các công trình lâm sinh;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Quản lý, bảo vệ rừng; chế biến nông, lâm sản; hoạt động dịch vụ nông, ngư nghiệp; kinh doanh cây, hoa cảnh; dịch vụ vật tư, kỹ thuật, giống cây trồng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2022</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

3.7. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ tối đa 3 năm.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến lãi vay dự trả trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối theo quy định của Nghị định 91/2015/ND-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Đối với dự án trồng, chăm sóc và kinh doanh rừng trồng nguyên liệu thực hiện tại xã Đăk Mang và Bóktới, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời gian 10 năm. Được miễn 2 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế. Năm 2022 là năm thứ 9 dự án có thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, dự án còn được miễn tiền thuê đất trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động. (Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 35121000194 ngày 04/11/2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định);
- Đối với hoạt động nhân và lai tạo giống cây trồng: Áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 4, Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Không chịu thuế đối với sản phẩm khai thác rừng trồng, sản phẩm giống lâm nghiệp;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các hợp đồng trồng cây, hoa cảnh quan và sản phẩm khai thác rừng tự nhiên.

Các loại thuế khác

Công ty được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian hoạt động đối với dự án trồng rừng nguyên liệu giấy tại Huyện Tây Sơn và Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định (Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 41/GCN-UB ngày 20/5/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định)

Các loại thuế khác áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	133.082.536	64.209.773
Tiền gửi ngân hàng	3.702.949.643	471.095.088
Cộng	3.836.032.179	535.304.861

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Võ Phong Trọng	91.583.026	173.529.000
Hồ Đức Lâm	-	30.030.000
Công ty TNHH TM DV & SX Trường Sơn	2.402.000.000	-
Công ty TNHH SX và TM Tâm Thiên Phú	2.316.000.000	-
Nguyễn Mộng Anh	26.000.000	-
Cộng	4.835.583.026	203.559.000

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH tổng hợp TM DV Lâm Trường	169.800.000	-
Trung tâm quy hoạch nông nghiệp nông thôn	200.000.000	200.000.000
Võ Phong Trọng	-	67.033.000
Võ Thanh Tuấn	350.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	412.719.979	114.000.000
Cộng	1.132.519.979	481.033.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn XK Bình Định (cổ tức)	2.076.142.979	700.000.000	2.076.142.979	-
Nộp trước lợi nhuận 2019	2.742.253	-	2.742.253	-
Tiền thuê đất tại Gia Lai (*)	-	-	330.547.664	-
Tạm ứng	134.700.000	-	166.936.000	-
Phải thu khác	15.702.311	-	1.553.728	-
Cộng	2.229.287.543	700.000.000	2.577.922.624	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	89.923.000	-	89.923.000	-
Cộng	89.923.000	-	89.923.000	-

(*) Số tiền thuê đất bị truy thu từ năm 2007 đến tháng 11/2016 tương ứng của 159,58 ha đất (135,28 ha đất rừng tự nhiên và 24,3 ha đất dân sản xuất nương rẫy) tại xã Nghĩa An, huyện K'Bang được Công ty quản lý, bảo vệ theo thông báo số 03/CCT-KK-KTT ngày 09/01/2017 của Chi cục thuế huyện K'Bang – tỉnh Gia Lai: 330.547.664 VND. Ngoài ra, khoản tiền thuê đất bị truy thu từ 2012 đến 2016 theo thông báo của chi cục thuế huyện K'Bang số 2693/TB-CCT ngày 10/05/2021, số tiền: 184.743.304 VND (chưa tính chậm nộp). Ngày 22/10/2020, Chi cục thuế huyện K'Bang đã ban hành quyết định số 777/QĐ-CCCT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng; yêu cầu phong tỏa tài khoản để cưỡng chế thu hồi số nợ thuế nêu trên.

Công ty đã làm đơn khởi kiện Chi cục thuế huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thuế số 777/QĐ-CCCT ngày 22/10/2020 của Chi cục thuế huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai;
- Yêu cầu Chi cục Thuế huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai không tính tiền thuê đất và tiền chậm nộp đối với diện tích đất rừng tự nhiên và đất nương rẫy của hộ dân từ năm 2007 đến tháng 11/2016;
- Yêu cầu trả lại số tiền Công ty đã tạm nộp vào ngân sách là: 330.547.664 VND.

Ngày 10/09/2021, Tòa án Nhân dân Huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai đã xét xử sơ thẩm và ban hành bản án số 02/2021/HC-ST, quyết định: Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Ngày 20/09/2021, Công ty tiếp tục làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây:

- Yêu cầu sửa Quyết định trong Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 10/09/2021 của Tòa án nhân dân huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai và tuyên hủy Quyết định số 777/QĐ-CCCT ngày 22/10/2020 của Chi cục thuế huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai;
- Yêu cầu Chi cục thuế huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai tính tiền thuê đất theo khung giá đất Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành bảng giá các loại đất và Quyết định ban hành tỷ lệ % trên địa bản tỉnh từng năm và không tính tiền chậm nộp.

Ngày 04/03/2022, Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai tạm ngừng xét xử phúc thẩm theo quyết định số 19/2022/QĐ-PT.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngày 28/09/2022, Cục thuế Tỉnh Gia Lai gửi lại thông báo đơn giá thuê đất cho diện tích đất 221,58 ha tại tiểu khu 152, Xã Nghĩa An, Huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai áp dụng cho thời gian từ 08/02/2007 đến 07/02/2012. Căn cứ theo đơn giá này, Công ty đã tính lại số tiền thuê đất phải nộp cho diện tích thuê đất 221,58 ha giai đoạn từ tháng 02/2007 đến tháng 12/2022 là: 542.282.519 VND, số tiền thuê đất Công ty đã nộp tương ứng cho giai đoạn nêu trên là: 728.685.714 VND (bao gồm số tiền: 330.547.664 VND đã nộp cho 159,58 ha), số tiền thuê đất nộp thừa: 186.403.195 VND.

Ngày 06/12/2022, Cục thuế tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 281/QĐ-CTGLA-KĐT về việc hoàn trả tiền thuế cho Công ty với số tiền: 186.403.195 VND. Phần chênh lệch giữa tiền thuê đất đã nộp tương ứng diện tích 159,58 ha cho giai đoạn từ năm 2007 đến tháng 11/2016: 330.547.664 VND (ghi nhận trên khoản mục phải thu khác) với số tiền thuế được hoàn trả này là: 144.144.469 VND, Công ty ghi nhận vào chi phí năm 2022.

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.076.142.979	1.376.142.979	-	-
Cộng	2.076.142.979	1.376.142.979	-	-

Thời gian hoá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn XK Bình Định	2.076.142.979	1.376.142.979	> 3 năm	-	-	
Cộng	2.076.142.979	1.376.142.979		-	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	125.790.000	-	14.240.400	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	42.499.514.379	-	44.723.107.147	-
Cộng	42.625.304.379	-	44.737.347.547	-

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Trong tổng số dư dở dang 42.625.304.379 VND tại 31/12/2022 có 15.565.422.489 VND là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đang cầm cố, thế chấp các khoản vay. Cụ thể: Diện tích 573,884 ha rừng nguyên liệu giấy Xã Đăkmang, Hoài Ân đem thế chấp cho hợp đồng vay dài hạn số 4313-LAV-202101487/HĐTD ngày 30/12/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Vĩnh Thạnh.

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quân lý		Cộng VND
	VND		VND		VND		
Nguyên giá:							
	Tại ngày 01/01/2022	11.602.614.076	1.348.653.989		159.857.143		13.111.125.208
	Đầu tư XDCB hoàn thành	269.227.000	-		-		269.227.000
	Giảm khác	(104.142.455)	-		-		(104.142.455)
Tại ngày 31/12/2022		11.767.698.621	1.348.653.989		159.857.143		13.276.209.753
Giá trị hao mòn lũy kế:							
	Tại ngày 01/01/2022	4.401.715.235	1.348.653.989		132.773.807		5.883.143.031
	Khấu hao trong năm	484.628.290	-		8.333.332		492.961.622
	Giảm khác	(104.142.455)	-		-		(104.142.455)
Tại ngày 31/12/2022		4.782.201.070	1.348.653.989		141.107.139		6.271.962.198
Giá trị còn lại:							
	Tại ngày 01/01/2022	7.200.898.841	-		27.083.336		7.227.982.177
	Tại ngày 31/12/2022	6.985.497.551	-		18.750.004		7.004.247.555

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.493.170.545 VND.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nhà làm việc ban A - Vĩnh Sơn	55.508.000	55.508.000
Cải tạo mặt bằng, trồng và chăm sóc cây xanh tại Vĩnh Sơn	153.830.000	153.830.000
Cải tạo mặt bằng, trồng và chăm sóc cây xanh tại Vĩnh Sơn	83.156.000	48.360.000
Cộng	292.494.000	257.698.000

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tin, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
- Công ty TNHH Sông Kôn	6.227.551.000	-		6.227.551.000	-	
Cộng	6.227.551.000	-		6.227.551.000	-	

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH Sông Kôn. Theo các Báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 của Công ty TNHH Sông Kôn được lập ngày 17/12/2022: Khoản mục vốn chủ sở hữu tại các thời điểm 01/01/2020, 31/12/2020 và 31/12/2021 lần lượt bị âm: 9,7 tỷ VND, 15,7 tỷ VND và 28,86 tỷ VND.

Thực hiện theo Công văn số 5921/UBND-TH ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn. Ngày 25/11/2022, Công ty đã đưa ra phương án cơ cấu lại vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025, trong đó có nội dung thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Sông Kôn, thời gian dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh,
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí vườn giống chờ phân bổ	-	23.000.000
Cộng	-	23.000.000
Dài hạn:		
Chi phí vườn giống chờ phân bổ	256.702.445	206.086.445
Cộng	256.702.445	206.086.445

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tổng hợp TM DV Lâm Trường	-	-	79.740.000	79.740.000
Công ty TNHH SX và TM Tâm Thiên Phú	1.646.600.000	1.646.600.000	-	-
Công ty TNHH TM DV và SX Trường Sơn	2.418.900.000	2.418.900.000	-	-
Đặng Bá Thắng	-	-	38.685.000	38.685.000
Các đối tượng khác	118.400.000	118.400.000	13.000.000	13.000.000
Cộng	4.183.900.000	4.183.900.000	131.425.000	131.425.000

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Sở NN & PTNT Bình Định	317.609.000	447.586.000
Cộng	317.609.000	447.586.000

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	11.459.196	17.121.980	29.671.794	24.009.010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	337.071.500	498.071.500	302.054.006	141.054.006
Thuế thu nhập cá nhân	7.179.985	31.642.300	24.962.315	500.000
Thuế khác, phí và lệ phí	-	47.100.000	47.100.000	-
Cộng	355.710.681	593.935.780	403.788.115	165.563.016

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền thu từ bán đấu giá gỗ	367.903.040	367.903.040
Kinh phí khai thác tận dụng rừng tự nhiên	544.295.622	531.119.622
Tiền phí dịch vụ môi trường rừng thu hộ	1.184.718.927	701.508.470
Các khoản phải trả khác	303.451.446	350.980.196
Cộng	2.400.369.035	1.951.511.328

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND						
Vay ngắn hạn:						
Cán bộ công nhân viên	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng NN&PT NT huyện Vĩnh Thạnh	2.065.365.000	2.065.365.000	3.556.365.000	2.423.452.000	932.452.000	932.452.000
	2.065.365.000	2.065.365.000	3.556.365.000	2.423.452.000	932.452.000	932.452.000
Cộng	2.065.365.000	2.065.365.000	6.056.365.000	4.923.452.000	932.452.000	932.452.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng NN&PT NT huyện Vĩnh Thạnh	3.433.000.000	3.433.000.000	2.490.000.000	3.556.365.000	4.499.365.000	4.499.365.000
	3.433.000.000	3.433.000.000	2.490.000.000	3.556.365.000	4.499.365.000	4.499.365.000
Cộng	3.433.000.000	3.433.000.000	2.490.000.000	3.556.365.000	4.499.365.000	4.499.365.000
Tổng cộng	5.498.365.000	5.498.365.000	8.546.365.000	8.479.817.000	5.431.817.000	5.431.817.000

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Vĩnh Thạnh theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 4313-LAV-201800206/HĐTD ngày 30/01/2018. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Mục đích vay: Trồng và chăm sóc rừng trồng sản xuất. Hạn mức tín dụng : 7.500.000.000 VND.
- Hợp đồng vay số 4313-LAV-202101487 ngày 30/12/2021. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Mục đích vay: Trồng và chăm sóc rừng trồng sản xuất. Hạn mức tín dụng : 4.500.000.000 VND.
- Hợp đồng vay số 4313-LAV-202201157 ngày 23/09/2022. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Mục đích vay: Trồng và chăm sóc rừng trồng sản xuất. Hạn mức: 2.000.000.000 VND.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	46.968.429.394	-	46.968.429.394
Lãi trong năm trước	-	1.403.327.851	1.403.327.851
Bổ sung vốn điều lệ từ LNST	250.239.851	(250.239.851)	-
Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng BDH	-	(1.153.088.000)	(1.153.088.000)
Tại ngày 01/01/2022	47.218.669.245	-	47.218.669.245
Lãi trong năm nay	-	1.374.931.538	1.374.931.538
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(992.833.000)	(992.833.000)
Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng BDH	-	(181.543.000)	(181.543.000)
Bổ sung vốn điều lệ từ LNST	200.555.538	(200.555.538)	-
Tại ngày 31/12/2022	47.419.224.783	-	47.419.224.783

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị định 91/2015/CP đối với Công ty TNHH MTV Nhà nước.

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định	47.419.224.783	47.218.669.245
Cộng	47.419.224.783	47.218.669.245

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 31 tháng 07 năm 2010 và điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 06 năm 2022, Công ty đã đăng ký vốn điều lệ là 47.850.000.000 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn thực góp tại Công ty là 47.419.224.783 VND.

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp đầu năm	47.218.669.245	46.968.429.394
Vốn góp tăng trong năm	200.555.538	250.239.851
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	47.419.224.783	47.218.669.245

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu hoạt động trồng rừng	21.551.235.926	20.879.904.546
Doanh thu hoạt động khác	381.402.615	437.090.000
Cộng	21.932.638.541	21.316.994.546

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hoạt động rừng trồng	15.862.663.153	16.182.423.548
Giá vốn hoạt động khác	210.455.000	385.312.436
Cộng	16.073.118.153	16.567.735.984

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	2.601.517	2.117.877
Cộng	2.601.517	2.117.877

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi tiền vay	49.726.025	31.028.903
Cộng	49.726.025	31.028.903

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	1.644.715.057	1.772.865.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.742.652	54.457.198
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	700.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	1.525.382.876	1.237.924.145
Cộng	3.929.840.585	3.065.246.834

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu bán hồ sơ, lệ phí đấu giá gỗ rừng trồng	40.740.743	79.545.455
Cộng	40.740.743	79.545.455

5.7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán đấu giá gỗ rừng trồng	48.050.000	58.160.000
Giá trị tài sản bị tổn thất	-	91.535.369
Các khoản khác	2.243.000	4.393.400
Cộng	50.293.000	154.088.769

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	309.639.617	818.740.500
Chi phí nhân công	4.048.684.591	4.307.614.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.073.206	216.027.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.133.698.469	11.332.061.606
Chi phí khác bằng tiền	3.362.270.087	2.588.181.984
Cộng	17.079.365.970	19.262.626.113

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.873.003.038	1.580.557.388
- Lợi nhuận hoạt động được ưu đãi	165.291.078	1.571.890.141
- Lợi nhuận hoạt động không ưu đãi	1.707.711.960	8.667.247
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	700.000.000	91.535.369
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	700.000.000	91.535.369
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.573.003.038	1.672.092.757
- Thu nhập chịu thuế hoạt động ưu đãi	165.291.078	1.571.890.141
- Thu nhập chịu thuế hoạt động không ưu đãi	2.407.711.960	100.202.616
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động ưu đãi	10%	10%
- Thu nhập chịu thuế hoạt động không ưu đãi	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	498.071.500	177.229.537
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động ưu đãi	16.529.108	157.189.014
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động không ưu đãi	481.542.392	20.040.523
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	498.071.500	177.229.537

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo khuế ước thông thường	4.990.000.000	2.680.000.000
Cộng	4.990.000.000	2.680.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.923.452.000	5.228.000.000
Cộng	4.923.452.000	5.228.000.000

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

- Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định
- Công ty TNHH Sông Kôn

Mối quan hệ

Chủ đầu tư
Công ty đầu tư

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Ngọc Đạo	Chủ tịch	425.883.000	369.177.000
Ông Lê Văn Lá	Kiểm soát viên chuyên trách	360.209.000	307.383.000
Ông Hồ Văn Hề	Giám đốc	405.464.000	342.155.000
Ông Võ Hồng Nguyên	Phó Giám đốc	361.709.000	304.953.000
Bà Trần Thị Kim Soa	Kế toán trưởng	330.131.000	277.414.000

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê đất sau:

Hợp đồng số 185/HĐ-TĐ ngày 28/08/2019 giữa UBND Tỉnh Bình Định và Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, thời hạn thuê là 50 năm, kể từ ngày 01/07/2014 đến ngày 01/07/2064, diện tích thuê là 18.656.471 m².

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.908.620	21.496.370
Cộng	1.908.620	21.496.370

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.




Nguyễn Ngọc Đạo
Chủ tịch công ty
Bình Định, ngày 14 tháng 03 năm 2023


Trần Thị Kim Soa
Kế toán trưởng


Trương Minh Vương
Người lập

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG - NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Ghi số dư của khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	2.076.142.979	
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)	2.076.142.979	
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D (đồng)	2.065.365.000	932.452.000
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	2.065.365.000	932.452.000
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)		
3. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D (đồng)		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)	3.433.000.000	4.499.365.000
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	3.433.000.000	4.499.365.000
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Vốn điều lệ		D (đồng)	47.850.000.000	47.850.000.000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang		D (đồng)	165.563.016	(7.605.818)
- Thuế GTGT		D (đồng)	24.009.010	28.569.713
- Thuế TNDN		D (đồng)	141.054.006	(36.175.531)
- Các loại thuế khác		D (đồng)	500.000	
- Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN		D (đồng)	-	
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	593.935.780	308.676.328
- Thuế GTGT		P (đồng)	17.121.980	96.371.363
- Thuế TNDN		P (đồng)	498.071.500	177.229.537
- Các loại thuế khác		P (đồng)	78.742.300	35.075.428
- Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN		P (đồng)		
9. Thuế và các khoản đã nộp NSNN		P (đồng)	403.788.115	135.507.494
- Thuế GTGT		P (đồng)	29.671.794	100.932.066
- Thuế TNDN		P (đồng)	302.054.006	

- Các loại thuế khác	P (đồng)	72.062.315	34.575.428
- Lợi nhuận còn lại đã nộp NSNN	p (đồng)		
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	D (đồng)	355.710.681	165.563.016
- Thuế GTGT	D (đồng)	11.459.196	24.009.010
- Thuế TNDN	D (đồng)	337.071.500	141.054.006
- Các loại thuế khác	D (đồng)	7.179.985	500.000
- Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN	D (đồng)	-	-

Vĩnh Thanh, ngày 14 tháng 3 năm 2023

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BÁO CÁO *SNC*

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Đạo

